

Phụ lục II

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMТ-UBND ngày /6/2024
của UBND tỉnh Nam Định)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải

- Nguồn số 1 đến nguồn số 5: Khí thải từ ống thải máy phát điện số 1, 2, 3, 4, 5 tại trạm điện và nhà để máy phát điện với công suất 550 kVA/máy.
- Nguồn số 6 đến nguồn số 7: Khí thải từ ống thải máy phát điện số 6, 7 tại nhà để máy phát điện với công suất 1.100 kVA/máy.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải

- Dòng khí thải số 1: Tương ứng với ống thải máy phát điện số 1 tại trạm điện và nhà để máy phát điện số 1 (nguồn số 1), tọa độ vị trí xả thải $X(m) = 2250411$; $Y(m) = 606692$.
- Dòng khí thải số 2: Tương ứng với ống thải máy phát điện số 2 tại trạm điện và nhà để máy phát điện số 1 (nguồn số 2), tọa độ vị trí xả thải $X(m) = 2250412$; $Y = 606690$.
- Dòng khí thải số 3: Tương ứng với ống thải máy phát điện số 3 tại trạm điện và nhà để máy phát điện số 1 (nguồn số 3), tọa độ vị trí xả thải $X(m) = 2250414$; $Y(m) = 606687$.
- Dòng khí thải số 4: Tương ứng với ống thải máy phát điện số 4 tại trạm điện và nhà để máy phát điện số 1 (nguồn số 4), tọa độ vị trí xả thải $X(m) = 2250417$; $Y(m) = 606685$.
- Dòng khí thải số 5: Tương ứng với ống thải máy phát điện số 5 tại trạm điện và nhà để máy phát điện số 1 (nguồn số 5), tọa độ vị trí xả thải $X(m) = 2250419$; $Y(m) = 606683$.
- Dòng khí thải số 6: Tương ứng với ống thải máy phát điện số 6 tại nhà để máy phát điện số 2 khu vực nhà chiller (nguồn số 6), tọa độ vị trí xả thải $X(m) = 2250238$; $Y(m) = 554347$.
- Dòng khí thải số 7: Tương ứng với ống thải máy phát điện số 7 tại nhà để máy phát điện số 3 khu vực nhà chiller (nguồn số 7), tọa độ vị trí xả thải $X(m) = 2250237$; $Y(m) = 554344$.

(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°)

2.2. Lưu lượng xả khí thải

- Từ dòng khí thải số 1 đến dòng khí thải số 5: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là $4.800 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Từ dòng khí thải số 6 đến dòng khí thải số 7: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 9.600 m³/giờ.

2.3. Phương thức xả khí thải

Khí thải được xả ra môi trường qua ống khói, xả gián đoạn (chỉ xả khi sử dụng máy phát điện dự phòng), không theo chu kỳ.

2.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, với nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp được tính theo công thức $C_{max} = C \times K_p \times K_v$ (Áp dụng hệ số $K_p = 1$; $K_v = 1,2$), cụ thể như sau:

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn thông số ô nhiễm theo QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B)	
			Giá trị C	Giá trị C _{max}
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	240
2	CO	mg/Nm ³	1.000	1.200
3	SO ₂	mg/Nm ³	500	600
4	NO _x	mg/Nm ³	850	1.020

(Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ. Khi có sự thay đổi quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sẽ áp dụng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng mới nhất).

Ghi chú:

- C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm³).
- C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ hoạt động phương tiện giao thông

- Ban hành nội quy quy định các phương tiện giao thông ra vào nhà máy. Các phương tiện phải đảm bảo đủ các điều kiện lưu hành, trong thời hạn cho phép lưu thông theo quy định.

- Thường xuyên quét dọn vệ sinh khu vực tập kết nguyên vật liệu, khu vực kho và khu vực xe vận chuyển để hạn chế tối đa bụi phát tán từ mặt đất.

1.2. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải tại nhà xưởng sản xuất

- Nhà xưởng được thiết kế thông thoáng, bố trí quạt thông gió, chụp hút và dụng cụ, bảo hộ an toàn lao động cho cán bộ, công nhân viên.
- Công ty đã bố trí toàn bộ hệ thống điều hòa tại các khu vực nhà xưởng sản xuất; tại khu vực kho nguyên phụ liệu, Công ty bố trí các quạt gió công nghiệp để đảm bảo môi trường làm việc cho người lao động và chất lượng vải, nguyên phụ liệu của nhà máy.

1.3. Giảm thiểu khí thải và mùi từ khu vực nấu ăn

- Khu nhà bếp được thiết kế thông thoáng; lắp đặt chụp hút mùi phía trên để hút hơi mùi, khí thải trong quá trình nấu ăn.
- Không sử dụng dầu mỡ cháy khét để đun nấu; không sử dụng dầu ăn nấu lại nhiều lần.

1.4. Giảm thiểu hơi mùi, khí thải phát sinh từ khu vực lưu giữ chất thải và khu vực xử lý nước thải

- Đối với khu vực lưu giữ chất thải: Rác thải sinh hoạt được thu gom trong thùng chứa có nắp đậy kín và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.
- Đối với khu vực xử lý nước thải: Vận hành thường xuyên hệ thống xử lý nước thải; thường xuyên quét dọn và vệ sinh xung quanh khu vực xử lý nước thải; thu gom và xử lý bùn theo quy định, không để bùn tồn đọng lâu ngày dẫn đến tình trạng phân hủy kỵ khí.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Công trình xử lý chất thải không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường để xem xét, giải quyết.
- Tăng cường trồng bổ sung cây xanh trong khuôn viên nhà máy, đảm bảo tỷ lệ cây xanh theo quy hoạch được phê duyệt.
- Tuyên truyền vận động cán bộ, công nhân viên thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường theo quy định./.